

Bản án số: 10/2024/DS-PT

Ngày 19 - 01 - 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Cận

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Lê Thị Huệ -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2023/TLPT-DS ngày
09/11/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023
của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2024/QĐ-PT ngày
03/01/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thiều Thị T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh
năm 1980 (Theo văn bản ủy quyền ngày 18/11/2022), (Có mặt);

Địa chỉ: đường Z, phường Đ, thành phố V1, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Chị Vũ Thị A, sinh năm 1986, (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm
1955, (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. *Người kháng cáo:* Chị Vũ Thị A - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2023, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vợ chồng bà Thiều Thị T, ông Nguyễn Văn P với chị Vũ Thị A là hàng xóm gần nhà, thường xuyên qua lại rất thân thiết. Năm 2019 chị A sang đặt vấn đề vay tiền của bà T, ông P để chạy dự án Cụm Công nghiệp xã Lý Nhân. Do mối quan hệ thân tình, bà T, ông P đồng ý cho chị A vay tiền thành nhiều lần, mỗi lần vay đều có viết Giấy vay tiền kiêm nhận nợ, cụ thể như sau:

- Ngày 01/02/2019, bà T cho chị A vay tiền mặt 300.000.000đồng;
- Ngày 16/7/2019, bà T cho chị A vay tiền mặt 300.000.000đồng;
- Ngày 17/7/2019, bà T cho chị A vay tiền mặt 300.000.000đồng;
- Ngày 19/9/2019, bà T cho chị A vay tiền mặt 500.000.000đồng;
- Ngày 09/10/2019, bà T cho chị A vay tiền mặt 500.000.000đồng.

Tổng số tiền mà chị A vay của bà T là 1.900.000.000đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng). Thỏa thuận khi nào bà T cần tiền thông báo trước cho chị A, chị A sẽ trả nợ đầy đủ cho bà T.

Tuy nhiên, kể từ ngày 09/10/2019 đến nay, chị A không trả cho bà T một khoản tiền nào, mặc dù bà T đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng chị A đều trốn tránh, không hợp tác và khất trả nợ.

Toàn bộ số tiền 1.900.000.000đồng mà bà T cho chị A vay là tài sản chung của vợ chồng bà T, nhưng khi cho vay chỉ mình bà T đứng tên ký nhận trong giấy cho vay tiền. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị A phải trả cho vợ chồng bà T số tiền gốc là 1.900.000.000đồng, tiền lãi tính từ ngày 09/10/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2023) là 46 tháng 29 ngày x 10 %/ năm = 743.630.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 2.643.630.000đồng.

Bị đơn chị Vũ Thị A trình bày: Chị thừa nhận về mối quan hệ hàng xóm và quá trình vay tiền như ông Hưng trình bày là đúng. Do có nhu cầu đầu tư làm ăn nên chị đã vay tiền của bà T từ năm 2016. Tuy nhiên đến năm 2019, bà T có yêu cầu chị ký tại các Giấy vay tiền (bao gồm cả khoản nợ cũ và khoản vay mới). Chị thừa nhận chữ ký tại các Giấy vay tiền ngày 01/02/2019; ngày 16/7/2019; ngày 17/7/2019; ngày 23/9/2019 và ngày 11/10/2019 là chữ ký của chị. Tuy nhiên, tổng số tiền nợ theo các Giấy vay tiền là 1.900.000.000đồng như bà T ghi theo các Giấy vay tiền là không đúng. Thực tế chị chỉ nợ bà T số tiền nợ gốc khoảng 600.000.000đồng. Lãi suất tại thời điểm vay, bà T tính cho chị khoảng 4.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày. Quá trình vay chị đã trả rất nhiều lần cho bà T cả tiền nợ gốc và nợ lãi, nhưng vì là hàng xóm nên mỗi lần trả tiền cho

bà T, chị đều tin tưởng bà T đã trừ vào số nợ của chị nên không đề nghị viết thêm giấy tờ gì. Việc vay nợ là do chị đứng ra vay và sử dụng không liên quan đến chồng chị hay ai khác.

Từ đầu năm 2021 đến nay, do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị không trả được đồng nào cho bà T, chị cũng xin khất nợ bà T nhưng bà T không đồng ý.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu chị phải trả cho bà T toàn bộ số tiền 2.643.630.000đồng cả gốc và lãi, chị không đồng ý. Chị chỉ thừa nhận nợ bà T 600.000.000đồng tiền gốc, nên chị chỉ có trách nhiệm trả số nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc 600.000.000đồng cho bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P không có mặt tại phiên tòa, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2023 ông trình bày: Ông là chồng của bà Thiệu Thị T, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện và quan điểm của bà T. Khoản tiền cho chị A vay là tài sản chung của vợ chồng ông, không liên quan đến ai khác. Ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 274, 275, 280, 357, 429, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thiệu Thị T đối với chị Vũ Thị A.

Buộc chị Vũ Thị A phải trả cho bà Thiệu Thị T và ông Nguyễn Văn P số tiền tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 2.643.630.000đồng, (hai tỷ sáu trăm bốn ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng); trong đó, nợ gốc là 1.900.000.000đồng; nợ lãi là 743.630.000đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, chị Vũ Thị A có đơn kháng cáo không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Thiệu Thị T, chị A không đồng ý trả cho bà T tiền gốc là 1.900.000.000đồng và tiền lãi phát sinh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án để đảm bảo quyền lợi cho chị

Tại phiên tòa phúc thẩm: Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà Thiều Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn chị Vũ Thị A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 41/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của chị Vũ Thị A làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt của ông P không liên quan đến kháng cáo của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Vũ Thị A, chị không nhất trí với bản án sơ thẩm buộc chị phải trả cho bà Thiều Thị T 1.900.000.000đồng tiền gốc và số tiền lãi phát sinh. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thiều Thị T và bị đơn chị Vũ Thị A đều thừa nhận giữa bà T và chị A có việc vay mượn tiền. Theo bà T, chị A đã vay của bà tổng cộng là 5 lần, cụ thể như sau: Ngày 01/02/2019 chị A vay 300.000.000đồng; ngày 16/7/2019 vay tiếp 300.000.000đồng; ngày 17/7/2019 vay 300.000.000đồng; ngày 19/9/2019 vay 500.000.000đồng; ngày cuối cùng ngày 09/10/2019 vay tiếp 500.000.000đồng. Tổng cộng là 1.900.000.000đồng. Các lần vay tiền, chị A đều trực tiếp viết nội dung về thông tin cá nhân, ngày vay, số tiền vay, ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền. Thỏa thuận khi vay là khi nào cần tiền bà T sẽ nói trước với chị A để chị A thu xếp trả đầy đủ cho bà. Tuy nhiên sau đó bà T đã đòi rất nhiều lần nhưng chị A không trả và khất nợ bà. Còn theo chị A trình bày, giữa chị và bà T có thỏa thuận vay tiền nhưng tổng số tiền

vay là 1.900.000.000đồng như bà T trình bày là không đúng. Vì sau khi vay tiền chị đã nhiều lần trả nợ cả gốc và tiền lãi cho bà T. Tuy nhiên do là hàng xóm quen biết nhau nên chị không yêu cầu bà T viết giấy tờ gì. Chị chỉ thừa nhận còn nợ bà T khoảng 600.000.000đồng cộng với tiền lãi phát sinh.

Xét các giấy vay tiền ngày 01/02/2019, 16/7/2019, 17/7/2019, 19/9/2019 và ngày 09/10/2019 thấy rằng đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, cả nội dung và hình thức đều phù hợp với quy định của pháp luật, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng dân sự quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự nên có hiệu lực bắt buộc giữa các bên tham gia. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao tiền cho bên vay đúng như cam kết, nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận viết và ký tổng 05 giấy vay tiền, cộng các giấy vay tiền lại là 1.900.000.000đồng nhưng không thừa nhận có vay của nguyên đơn tổng cộng số tiền là 1.900.000.000đồng, chỉ thừa nhận nợ nguyên đơn tiền gốc khoảng 600.000.000đồng. Đồng thời cho rằng khi vay tiền nguyên đơn tính lãi suất là 4.000đồng/1.000.000đồng/1 ngày đối với số tiền bị đơn vay, bị đơn đã trả nhiều lần cho nguyên đơn cả tiền gốc và lãi phát sinh. Tuy nhiên bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, bị đơn cũng thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong các giấy vay tiền đúng là chữ ký, chữ viết của bị đơn.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị A phải trả toàn bộ khoản nợ là 1.900.000.000đồng cho vợ chồng bà T là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu về tính lãi suất, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là hợp đồng vay tài sản không có lãi, theo quy định tại khoản 4 Điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với hợp đồng này nếu bên vi phạm vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất không vượt quá 10%/ năm của khoản vay.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tính số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính từ ngày 09/10/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2023) là 46 tháng 29 ngày x 10 %/ năm = 743.630.000đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Vũ Thị A phải trả cho vợ chồng bà Thiệu Thị T nợ gốc là 1.900.000.000đồng, nợ lãi là 743.630.000đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của chị A, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[4] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chưa

đúng theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019. Việc tuyên chưa đúng về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cách tuyên về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên chị Vũ Thị A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thiệu Thị T. Buộc chị Vũ Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Thiệu Thị T và ông Nguyễn Văn P số tiền 2.643.630.000đồng (*Hai tỷ, sáu trăm bốn ba triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*); trong đó: nợ gốc là 1.900.000.000đồng (*Một tỷ, chín trăm triệu đồng*); nợ lãi là 743.630.000đồng (*Bảy trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày 08/9/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, chị Vũ Thị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì được thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thiệu Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Vũ Thị A phải chịu 84.872.000đồng (*Tám tư triệu, tám trăm bảy hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Vũ Thị A phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000491 ngày 21/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V ;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà